

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2017/HSST

Ngày: 15/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Mai Phong - Chức vụ: Cán bộ hưu trí.
2. Bà Hà Thị Vũ - Chức vụ: Chuyên viên, Ban tuyên
giáo tỉnh Đoàn tỉnh Điện Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh , Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh
Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị
Hoài Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tiến hành
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2017/HSST ngày 13 tháng 7
năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên
số: 84/2017/HSST ngày 03/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Sùng Thị S1 (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1969, tại xã Dìn C, huyện
Mường K, tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn Choán V, thị
trấn Mường K, huyện Mường K, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ
văn hóa: Không; Dân tộc: Mông; Con ông: Sùng Seo T (đã chết) và bà Lù Thị S3 -
Sinh năm: 1947; Có chồng: Thào Seo S2 - Sinh ngày: 07/1/1971; Bị cáo có 07 người
con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh ngày 04/4/2012; Tiền án, tiền sự:
Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/02/2017. hiện bị cáo đang bị tạm giam giữ
tại trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên và được trích xuất áp giải đến phiên tòa, bị
cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Vàng A D1 (tên gọi khác: Không) – Sinh ngày: 01/7/1977, tại tại Si Ma C1,
Lào Cai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Huổi Cơ M, xã Nậm C2,
huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo:
Không; Trình độ văn hoá: Không; Nghề nghiệp: Làm nương; Con ông: Vàng Chử D2
– (đã chết) và bà Giàng Thị S4 - Sinh năm: 1956; Bị cáo có 05 anh, chị em ruột, bị
cáo là con thứ năm trong gia đình; Bị có vợ là Hoàng Thị M1 - Sinh năm 1977; Bị
cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh 2006; Tiền án,

tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2016, hiện bị cáo đang bị tạm giam giữ tại trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên và được trích xuất áp giải đến phiên tòa, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Thào Seo S2 (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày: 07/1/1971, tại xã Dìn C, huyện Mường K, tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn Choán V, thị trấn Mường K, huyện Mường K, tỉnh Lào Cai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Thào Seo N (đã chết) và bà: Cư Seo M2 (đã chết); Bị cáo có 01 anh trai cùng mẹ khác bố; Bị cáo có vợ: Sùng Thị S1 - Sinh năm: 1969; Bị cáo có 07 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh ngày 04/04/2012; Bị cáo bị bắt từ ngày 24/2/2017, bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Vàng A M3 (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1990, tại, huyện Si Ma C1, tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Nậm C3, xã Nậm N1, huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Vàng A H - Sinh năm: 1968 và bà: Giàng Thị P2 – Sinh năm: 1970; Bị cáo có 07 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ: Giàng Thị C4 - Sinh năm: 1989; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Bị cáo bị bắt từ ngày 01/12/2017, bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Những người bị hại:

1. Chị Thào Thị D3 - Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Bản Huổi L1, xã Nậm N1, huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt lần 2 không có lý do).

2. Chị Vàng Thị T1 - Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Bản Pháng C5, xã Phìn H1, huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt lần 2 không có lý do).

3. Chị Mùa Thị S5 - Sinh ngày: 15/8/2001.

Nơi cư trú: Bản Pá K1, xã Nà B, huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt lần 2 không có lý do).

* Người đại diện hợp pháp của người bị hại Mùa Thị S5:

Ông Mùa Khu N2 - Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Bản Pá K1, xã Nà B, huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên (có mặt).

* Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông cho các bị cáo có ông: Thào A S6 - Sinh năm: 1995, Địa chỉ: Tổ 16, phường Mường T2, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án các bị cáo Sùng Thị S1, Vàng A D1, Vàng M3, Thào Seo S2 bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 29/11/2016, tại km 48 Quốc lộ 4H thuộc địa phận xã Phìn H1, huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên, lực lượng Công an phát hiện Vàng A D1 đang có hành vi đưa người sang Trung Quốc để bán. Trong quá trình điều tra, truy tố, Vàng A D1 khai nhận:

Hàn P3 là con rể của Sùng Thị S1, Thào Seo S2 hiện đang sinh sống ở Trung Quốc, muốn mua phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc làm vợ nên Sùng Thị S1, Thào Seo S2, Vàng A D1, Vàng A M3 đã nhận lời Hàn P3 và có hành vi mua bán người, mua bán trẻ em.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Lần 1 vào cuối tháng 10/2016, Vàng A M3 được Lầu A H2 là người cùng bản cho số điện thoại của Mùa Thị S5, sinh ngày 15/8/2001, nhà ở bản Pá K1, xã Nà B, huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên. M3 lấy tên S7 ở xã Na Cô S8, chưa có vợ để gọi điện tán tỉnh S5, mục đích lừa bán S5 sang Trung Quốc. Khoảng 14 giờ ngày 03/11/2016, M3 đi xe máy không biển số xuống đón S5 để chuyển giao cho D1 đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau. M3 hỏi S5 có đồng ý làm vợ không, nếu đồng ý thì lên xe để M3 đưa về làm vợ, S5 đồng ý. Đến ngã ba đường vào Huổi Cơ M, xã Nậm C2, huyện Nậm P1, M3 dừng lại chờ D1 để D1 đưa S5 đi và giới thiệu với D1 là chú của M3, bảo S5 theo D1 đi trước, M3 đi sau. Khoảng 14 giờ ngày 04/11/2016, D1 đưa S5 đến thành phố Lào Cai rồi gọi điện cho Thào Seo S2 hẹn địa điểm. S2 đưa điện thoại cho S1 nói chuyện với D1, cả hai thống nhất giao nhận S5 tại chợ Mường K. Khi đến chợ Mường K, S1 gọi điện cho Hàn P3 báo đã tìm được một đứa con gái, hỏi có mua không. Hàn P3 trả lời có mua, giá cả sẽ thỏa thuận sau. S1 nói lại với D1, S2, cả ba người đưa S5 sang Trung Quốc mục đích bán S5 cho Hàn P3, khi đi đến thôn Nhân G do đường xấu không đi xe máy được, S2 cất giấu xe của D1 vào bụi cây, còn S2 quay xe máy về nhà, để D1 và S1 đưa S5 sang Trung Quốc giao cho Hàn P3. Tại đây, D1 gặp một người đàn ông đi cùng Hàn P3, D1 đã thỏa thuận giá bán S5 là 13.000 nhân dân tệ, nhưng Hàn P3 hẹn vài ngày nữa mới trả tiền. Hàn P3 cùng S1, D1 đưa S5 vào trong nội địa Trung Quốc sau đó D1, S1 mới quay trở về nhà S1. Khi về nhà S1, D1, S2, S1 thống nhất: Số tiền bán S5 sẽ chia thành 05 phần, D1 lấy 04 phần, tức 10.500 nhân dân tệ còn S1 và S2 lấy một phần, tức 2.500 nhân dân tệ. Hai ngày sau, Hàn P3 giao 13.000 nhân dân tệ cho S1, S2. Do D1 bận không đến lấy tiền được nên nhờ em họ là Vàng Seo X đến nhà S1 nhận

10.500 nhân dân tệ. D1 gọi điện thông báo cho Vàng A M3 biết tiền bán Mùa Thị S5 được 30.000.000 (Ba mươi nghìn) đồng, thống nhất chia mỗi người một nửa. Do M3 bận nên D1 đã gửi Vàng A D4, là em ruột của D1, cầm 15.000.000 (mười năm triệu) đồng về đưa cho M3. M3 dùng tiền bán S5 mua 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1 - 493.60 làm phương tiện.

Lần 2: Khoảng một tuần sau, D1 tiếp tục gọi điện bảo M3 tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán. M3 gọi điện cho Thào Thị D3 - Sinh năm: 1991, nhà ở bản Huổi L1, xã Nậm N1, huyện Nậm P1. M3 nói tên là S7, nhà ở Na Cô S8, chưa vợ để gọi điện tán tỉnh, muốn lấy D3 làm vợ nhằm lừa bán sang Trung Quốc. Chiều ngày 26/11/2016, M3 đi xe máy BKS 27B1 - 493.60 đến đón D3 để chuyển giao cho D1 đưa sang Trung Quốc bán. M3 hẹn D3 ở khu vực cầu treo Nà H3 để đón D3. Khi gặp D1, M3 giới thiệu D1 là chú của M3 rồi bảo D3 theo D1 đi trước, M3 đi theo sau. Khoảng 4 giờ ngày 27/11/2016 khi đến km 45 thuộc địa phận xã Phìn H1, huyện Nậm P1, D1 dừng xe nghỉ. D1 nói với D3 là S7 đã nói dối D3, S7 không lấy D3 làm vợ và đề nghị D3 làm vợ D1. D3 không đồng ý. D1 lôi D3 vào bụi cây và quan hệ tình dục với D3. Xong D3 bảo D1 đưa D3 về nhà nhưng D1 không đồng ý, D1 nói sẽ đưa D3 về Mường K làm vợ D1, D3 không đồng ý. Do sợ bị phát hiện nên D1 nói với D3 không đồng ý làm vợ D1 thì giới thiệu cho cho D1 một người con gái khác. D3 cho D1 số điện thoại của Vàng Thị T1 ở bản Pháng C5, xã Phìn H1, huyện Nậm P1. D1 đưa D3 100.000 (một trăm) nghìn đồng rồi đi mất. D3 chờ không thấy D1 quay lại thì gọi điện thoại cho người nhà ra đón về.

Lần 3: Khoảng 19 giờ ngày 28/11/2016, Vàng A D1 gọi điện thoại cho Vàng Thị T1 - Sinh năm: 1981, trú tại bản Pháng C5, xã Phìn H1, huyện Nậm P1 (là bạn của D3). D1 nhận mình ở huyện Mường K, tỉnh Lào Cai, chưa có vợ rồi điện thoại tán tỉnh muốn lấy T1 làm vợ D1. T1 đồng ý. Ngày 29/11/2016, D1 hẹn gặp T1 mục đích đưa T1 sang Trung Quốc bán. Khi D1 đưa T1 từ km 45 đến 48 Quốc lộ 4H thuộc địa phận xã Phìn H1, huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên, hướng huyện Mường C6 đi huyện Mường N3 thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ.

Ngày 01/12/2016, Vàng A D1 và Vàng A M3 bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên ra quyết định khởi tố bị can về tội mua bán trẻ em. Ngày 13/02/2017, Vàng A D1, Vàng A M3 bị Cơ quan cảnh sát Điều tra công an tỉnh Điện Biên ra quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can về tội mua bán người. Ngày 27/02/2017, Thào Seo S2 và Sùng Thị S1 bị Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Điện Biên ra Quyết định khởi tố bị can về tội mua bán trẻ em.

Tại bản Cáo trạng số: 18/QĐ - VKS - P2 ngày 12/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố: Các bị cáo Vàng A D1 và Vàng A M3 về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119/BLHS; Các bị cáo Sùng Thị S1, Vàng A D1, Thào Seo S2 và Vàng A M3 về tội: “*Mua bán trẻ em*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 120/BLHS.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119/Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vàng A D1 và vàng A M3, áp dụng điểm e khoản 2 Điều 120/BLHS đối với các bị cáo Sùng Thị S1, Thào Seo S2, Vàng A M3 và Vàng A D1.

- Áp dụng Điều 18/BLHS, Điều 52/BLHS đối với Vàng A M3 trong lần phạm tội: “*Mua bán người*” bán Thào Thị D3. Vàng A D1 trong lần phạm tội: “*Mua bán người*” bán Vàng Thị T1.

- Áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS đối với 04 bị cáo.

Xử phạt bị cáo Vàng A D1 từ 05 năm đến 05 năm 6 tháng tù. Xử phạt bị cáo Vàng A M3 từ 05 năm đến 05 năm 6 tháng tù về tội: “*Mua bán người*”.

Xử phạt Sùng Thị S1 từ 11 năm đến 12 năm tù. Xử phạt Thào Seo S2 từ 10 năm đến 11 năm tù. Xử phạt bị cáo Vàng A D1 từ 11 năm đến 12 năm tù. Xử phạt bị cáo Vàng A M3 từ 10 năm đến 11 năm tù về tội: “*Mua bán trẻ em*”.

- Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Vàng A D1, Vàng A M3 trong trường hợp phạm nhiều tội theo Điều 50/BLHS.

- Không áp dụng khoản 3 Điều 119/BLHS và khoản 3 Điều 120/BLHS đối với tất cả các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42/BLHS; Điều 584, 585, 592/BLDS. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về bồi thường thiệt hại cho người bị hại là cháu Mùa Thị S5 (do ông mùa Khua N2 làm người đại diện) số tiền là 50.000.000 (Năm mươi) triệu đồng, chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng .

Do người bị hại Thào Thị D3 và Vàng Thị T1 không có mặt tại phiên tòa, đề nghị HĐXX tách phần bồi thường dân sự để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi Thào Thị D3 và Vàng Thị T1 có yêu cầu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự .

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 76/BLTTHS. Đối với vật chứng do các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội và phạm tội mà có cần tịch thu, và tịch thu bán hóa giá sung ngân sách Nhà nước, các vật chứng không liên quan cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm việc thi hành án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Mùa Thị S5, ông Mùa Khua N2, không có đề nghị gì về phần hình phạt đối với các bị cáo. Về phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại, ông Mùa Khua N2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho cháu Mùa Thị S5 số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho người bị hại mà người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Mùa Khua N2 số tiền là 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng .

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại Mùa Thị S5, ông Mùa Khua N2.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Sùng Thị S1, Thào Seo S2, Vàng A D1 và Vàng A M3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, biên bản sự việc và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện.

Bị cáo Sùng Thị S1 và Thào Seo S2 có quen biết đối tượng tên Hàn P3 đang sinh sống tại Trung Quốc. Hàn P3 đã trao đổi với S1 và S2 về việc đưa người sang Trung Quốc để bán lấy tiền, S1 và S2 làm quen được với Vàng A D1 và trao đổi với nhau về việc mua bán người sang Trung Quốc. Vàng A D1 đã bàn bạc với Vàng A M3 tìm người chuyển giao cho D1 đưa lên Lào Cai bán cho S1 và S2 đưa ra nước ngoài.

Vào cuối tháng 10 /2016 Vàng A M3 đã làm quen được với Mùa Thị S5 sinh ngày 15/8/2001 trú tại bản Pá K1, xã Nà B, huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên. M3 đã tán tỉnh yêu đương và lừa là sẽ lấy S5 về làm vợ sau đó đã lừa S5 chuyển giao cho D1 đưa lên Lào Cai cùng vợ chồng S1, S2 mang sang Trung Quốc bán cho Hàn

P3. Tại Trung Quốc, S1, S2, D1 đã bán S5 cho người trung Quốc với giá là 13.000 nhân dân tệ, trong đó S1 và S2 nhận số tiền là 2.500 nhân dân tệ, còn D1 nhận 10.500 nhân dân tệ. Sau đó D1 về chia cho M3 số tiền 15.000.000 (mười năm triệu) VNĐ. Sau lần mua bán Mùa Thị S5, Vàng A D1 và Vàng A M3 lại tiếp tục tìm cách làm quen với người người phụ nữ người Mông cùng với thủ đoạn giả vờ yêu đương sau đó tìm cách đưa lên Lào Cai để tiếp tục bán sang Trung Quốc. Cũng vào tháng 10/2016 M3 đã làm quen được với Thảo Thị D3 - Sinh năm: 1991 ở bản Huổi L1, xã Nậm N1, huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên, M3 đã lừa D3 sau đó chuyển giao cho D1 đưa lên Lào Cai nhằm mục đích bán sang Trung Quốc, nhưng do không có M3 đi cùng nên D3 có nói với D1 nếu lên Lào Cai D3 sẽ gọi cho người nhà ra đón về, vì sợ bị phát hiện về hành vi mua bán người của mình nên D1 đã đưa cho D3 số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng để D3 tự về nhà. Trong quá trình gặp Thảo Thị D3, Vàng A D1 đã xin được từ D3 số điện thoại của Vàng Thị T1 - Sinh năm: 1981 trú tại bản Pháng C5, xã phình H1, huyện Nậm P1, tỉnh Điện Biên. D1 đã liên lạc với T1 và cũng với hành vi như với S5, D3. Khi T1 đồng ý đi cùng D1 lên Lào Cai, vào khoảng 08 giờ ngày 29/11/2016 D1 điện thoại cho T1 ra km 45 quốc lộ 4H gặp D1 (mục đích của D1 là sẽ đưa T1 sang Trung Quốc bán lấy tiền), đến 11 giờ cùng ngày D1 đã gặp T1 khi cả hai đi đến km 48 quốc lộ 4H thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt giữ.

Hành vi đó của các bị cáo đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về nhân phẩm, danh dự, quyền tự do của cháu Mùa Thị S5, chị Thảo Thị D3 và chị Vàng Thị T1, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo Sùng Thị S1, Thảo Seo S2, Vàng A D1 và Vàng A M3 đã phạm vào tội: “*Mua bán trẻ em*” theo quy định tại Điều 120/Bộ Luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Vàng A D1 và Vàng A M3 đã phạm vào tội: “*Mua bán người*” theo quy định tại Điều 119/Bộ luật Hình sự.

Như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về nhân phẩm, danh dự, quyền tự do của cháu Mùa Thị S5, chị Thảo Thị D3 và chị Vàng Thị T1, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, nên cần phải xử lý nghiêm khắc.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi mua bán cháu Mùa Thị S5 - Sinh ngày: 15/8/2001 để bán sang Trung Quốc của các bị cáo Sùng Thị S1, Thảo Seo S2, Vàng A D1 và Vàng A M3 đã vi phạm tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 120/Bộ luật Hình sự.

Hành vi mua bán Thảo Thị D3 và Vàng Thị T1 sang Trung Quốc của bị cáo Vàng A D1 và hành vi mua bán Thảo Thị D3 sang Trung Quốc của bị cáo Vàng A M3 đã vi phạm tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 119/Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi bị bắt các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo được quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46/Bộ luật hình sự. Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự được coi là nhân thân tốt nhưng vẫn cần phải xử phạt các bị cáo với mức án tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Vàng A D1 và Vàng A M3 do chưa bán được Thảo Thị D3 và Vàng Thị T1 sang Trung Quốc nên được áp dụng Điều 18/BLHS, Điều 52/BLHS. Do các bị cáo vàng A D1 và Vàng A M3 đã phạm hai tội nên phải áp dụng Điều 50/Bộ Luật hình sự về tổng hợp hình phạt tù.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng. Bị cáo Vàng A D1 là người thực hành tích cực nhất trong vụ án sau đó đến Sùng Thị S1 đến Thảo Seo S2 mới đến Vàng A M3, do vậy cần có mức hình phạt áp dụng đối với từng bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định Khoản 3 Điều 119/BLHS và Khoản 3 Điều 120/Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50.000.000 triệu đồng, cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay đều cho thấy các bị cáo đều làm nương, không có thu nhập, đang ở cùng gia đình, điều kiện kinh tế còn gặp khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 119 và Khoản 3 Điều 120/Bộ Luật Hình sự đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do những người bị hại Thảo Thị D3 và Vàng Thị T1 đều vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy cần tách phần bồi thường trách nhiệm dân sự để giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu của những người bị hại theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự .

Tại phiên Tòa người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Mùa Thị S5, ông Mùa Khua N2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Mùa Thị S5 số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng, các bị cáo đều nhất trí. Do vậy căn cứ theo quy định tại Điều 42/Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 587, 592 và 357/Bộ luật dân sự, buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho người bị hại cháu Mùa Thị S5 số tiền là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) VNĐ.

[5] Đối với vật chứng của vụ án: Với số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo Sùng Thị S1 và Thảo Seo S2 được số tiền là 2.500 nhân dân tệ các bị cáo đã quy đổi được 8.000.000 (tám triệu) đồng, trong đó bị cáo S2 được Sùng Thị S1 đưa cho số tiền là 1.000.000 đồng để sử dụng cho việc chi tiêu cá nhân còn lại 7.000.000 là của S1 cần bị truy thu sung Ngân sách Nhà nước. Bị cáo Vàng A D1 thu lợi bất chính là

17.500.000 (mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Vàng A M3 thu lợi bất chính được số tiền là 15.000.000 (mười năm triệu) đồng, nhưng đã dùng 12.000.000 (mười hai triệu) đồng để mua xe máy do vậy cần tịch thu bán hóa giá sung ngân sách Nhà nước đối với chiếc xe máy này của bị cáo, bị cáo Vàng A M3 còn bị truy thu tiếp số tiền là 3.000.000 (ba triệu đồng) VNĐ để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với vật chứng mà các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, cần tịch thu bán hóa giá sung ngân sách Nhà Nước :

Đối với vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 32.500.000 (ba mươi hai nghìn) đồng do Cơ quan Điều tra đã thu giữ của Vàng A D1. Trong số tiền này có số tiền bị cáo phạm tội mà có là 17.500.000 (mười bảy triệu) đồng cần bị tịch thu sung ngân sách Nhà Nước số còn lại cần trả lại cho bị cáo .

Đối với 25 tờ tiền loại 100 YUAN , 02 tờ tiền loại 10 YUAN và 03 tờ tiền loại 5 YUAN thu giữ của bị cáo Sùng Thị S1 cần trả lại cho bị cáo.

Đối với Vàng A X, là người D1 nhờ lấy hộ 10.500 Nhân dân tệ từ Sùng Thị S1, X đưa tiền cho Hoàng Thị M1; Vàng A D4 là người được D1 nhờ cầm số tiền 15.000.000 (mười năm triệu) VNĐ đưa cho Vàng A M3 nhưng X, M1, D4 đều không biết đó là tiền do D1, M3 phạm tội mà có nên Cơ quan Điều tra không đặt vấn đề xử lý, HĐXX sơ thẩm không xem xét.

Đối với Lầu A H2, người đã cho M3 số điện thoại của Mùa Thị S5 nhưng H2 không biết việc M3 đã lừa và đưa S5 sang Trung Quốc bán nên Cơ quan Điều tra không đặt vấn đề giải quyết, HĐXX sơ thẩm không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 khoản 2 điều 99 BLTTHS và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội (khóa 14) Quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm, do mỗi bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Mùa Thị S5 số tiền là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng, nên mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là $12.500.000 \times 5\% = 625.000$ (sáu trăm hai mươi năm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Sùng Thị S1, Thào Seo S2 đều phạm vào tội: “*Mua bán trẻ em*”. Các bị cáo Vàng A D1 và Vàng A M3 phạm tội: “*Mua bán người*” và “*Mua bán trẻ em*”.

2. Hình phạt: Áp dụng: Điểm e Khoản 2 Điều 120/BLHS, Điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS; Điều 20/BLHS, Điều 53/Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Xử phạt bị cáo Sùng Thị S1 12 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2017.

+ Xử phạt bị cáo Thào Seo S2 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/2/2017.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 điều 119 , điểm p Khoản 1 Điều 46 ; Điều 18, Khoản 3 Điều 52 ,Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Xử phạt Vàng A D1 06 năm tù về tội: “Mua bán người”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 điều 119/BLHS , điểm p Khoản 1 Điều 46/BLHS; Điều 18/BLHS, khoản 3 Điều 52/BLHS, Điều 20/BLHS, Điều 53/Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Xử phạt bị cáo Vàng A M3 05 năm tù về tội: “Mua bán người”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 điều 120/BLHS, điểm p khoản 1 Điều 46/Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Xử phạt bị cáo vàng A D1 12 năm tù về tội: “Mua bán trẻ em”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 điều 120/BLHS, điểm p khoản 1 Điều 46/Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Xử phạt Vàng A M3 10 năm tù về tội: “Mua bán trẻ em”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50/Bộ Luật hình sự:

+ Tổng hợp chung cho cả hai tội buộc bị cáo Vàng A D1 phải chấp hành là 18 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2016.

+ Tổng hợp chung cho cả hai tội buộc bị cáo Vàng A M3 phải chấp hành là 15 năm tù .Thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2016.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42/Bộ luật hình sự; Căn cứ các 584, 585, 587, 592 và 357/Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Sùng Thị S1, Thào Seo S2, Vàng A D1 và Vàng A M3 mỗi bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là cháu Mùa Thị S5, số tiền là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) VNĐ.

“Kể từ ngày người bị hại là cháu Mùa Thị S5 mà người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Mùa Thị S5 là ông Mùa Khua N2 có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu các bị cáo không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức

lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự”.

4. Về thu lợi bất chính: Áp dụng Điều 41/Bộ luật Hình sự, Điều 76/Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Truy thu của bị cáo Sùng Thị S1 7.000.000 (bảy triệu) đồng và Thào Seo S2 là 1.000.000 (một triệu) đồng để sung công quỹ Nhà Nước.

- Tịch thu của bị cáo Vàng A D1 số tiền 17.500.000 (mười bảy nghìn năm trăm) đồng để sung công quỹ Nhà Nước.

- Truy thu tiếp của bị cáo Vàng A M3 số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS, Điều 76/ BLTTHS.

* Tịch thu bán hóa giá sung ngân sách Nhà Nước đối với vật chứng mà các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội:

5.1: Tịch thu của bị cáo Vàng A D1: 01 (một) xe máy YAMAHA - JUPITER màu đen - đỏ, biển kiểm soát: 27B1 - 423.96; Số máy: E3S1E - 021385; Số khung: RLCUE1310FY019425, xe máy đã cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO; số IMEL 1: 867941029040059. Số IMEL 2: 867941029040042; 01(một) điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu Masstel, C258, số IMEI: 355282062504316.

5.2: Tịch thu của bị cáo Vàng A M3: 01 (một) xe máy nhãn hiệu LIFAN, màu đỏ - đen - trắng, biển kiểm soát 27B1 - 493.60; Số khung: RL8WCHNHYA1004672; Số máy: VLF1P52FMH - 3L1SA004672, xe máy đã cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng loại NOKIA, màu đen. Số IMEL 1: 356346/05/650058/7. Số IMEL 2: 356346/05/650059/5.

5.3: Tịch thu của bị cáo Thào Seo S2: 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu: WING, màu đen, trắng. MODEL: V50. Số IMEI 1: 354122060546888. Số IMEI 2: 354122060716887. Trong điện thoại có nắp 01 sim có số; 0982727480, là điện thoại cũ đã qua sử dụng (đã được niêm phong). 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Ware S. Màu sơn: Đen Vàng. Số máy: JC52E – 1349379, số khung: RLHJC5262DY229748, biển số: 24B1 - 684.63. Là xe đã cũ, đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong.

5.4: Tịch thu của bị cáo Sùng Thị S1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu: OPSSON, màu xám đen. Là điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của điện thoại.

* Trả lại cho các bị cáo các vật chứng không liên quan đến vụ án:

5.5: Trả lại cho bị cáo Vàng A D1: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Vàng A D1. Số: 040448953, do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 24/3/2010. Số tiền 1.198.000 (một triệu một trăm chín mươi tám nghìn) VNĐ và 15.000.000 đồng trong số tiền 32.500.000 (ba mươi hai nghìn năm trăm nghìn) VNĐ mà cơ quan Điều tra đã thu giữ.

5.6: Trả lại cho bị cáo Vàng A M3: Trả lại số tiền 75.000 (bảy mươi năm) nghìn đồng.

5.7: Trả lại cho bị cáo Thào Seo S2: 01(một) chứng minh nhân dân số: 063373070, mang tên Thào Seo S2.

5.8: Trả lại cho bị cáo Sùng Thị S1: 25 (hai mươi năm) tờ tiền loại 100 YUAN, có số seri cụ thể là:

U85Z071093; N8T6404505; J35A634532; F8Q8250786; Z54B473650;
F1D3245334; PG82492180; H23A513101; CL62626364; W4L3990981;
H23R781236; K18S426492; Q88L971244; ZA71342254; Z92B560460;
CQ09875530; Z52C467387; F27Q840867; Z19F666102; Y76U917117;
YS90454146; S84P945574; D4T2452115; GG98458351; L8A4825804.

02 (hai) tờ tiền loại 10 YUAN, có số seri cụ thể là: D7Q4316067; D6Q2045919.

03 (ba) tờ tiền loại 5 YUAN, có số seri cụ thể là: D4E5304234; D4E5304235; D9E0775096.

5.9: Trả lại cho ông Mùa Khua N2 là người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Mùa Thị S5: 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Mùa Thị S5. Số 040903378 Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 23/03/2016.

* Cần tịch thu tiêu hủy:

5.10: Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Vàng A D1: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Vàng A D1; số 029791 do Công an tỉnh Điện Biên cấp ngày 29/4/2016.

5.11: Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Vàng A M3: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 041982. Mang tên chủ xe là Vàng A M3, biển đăng ký 27B1 - 493.60.

5.12: Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Thào Seo S2: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 077166. Mang tên chủ xe là Thào Seo S2, biển số đăng ký 24B1 - 684.63.

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 30/5/2017 giữa Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

6. Về án phí: Áp dụng Điều 99/BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Sùng Thị S1, Thào Seo S2, Vàng A D1, Vàng A M3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 625.000 án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo; Người đại diện hợp pháp của người bị hại Mùa Thị S5, ông Mùa Khua N2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2017) lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Người bị hại Thào Thị D3 và Vàng Thị T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- NBH;
- NĐDCNBH;
- UBND (T/báo);
- Lưu HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Trọng Đoàn